TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Xem xét báo cáo của Uscirf về Việt Nam năm 2025 dưới góc nhìn án lệ hiến pháp Hoa Kỳ

ISSN: 2734-9195 09:05 04/04/2026

Việc đánh giá tự do tôn giáo không thể dựa trên một chuẩn đơn nhất. Việc đánh giá phải dựa trên phân tích pháp lý cụ thể. Phân tích này phải nhất quán với hệ chuẩn được sử dụng.

*Bài viết này phân tích và phê bình báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam dưới góc nhìn của án lệ hiến pháp **Hoa Kỳ**. Trong khi USCIRF đánh giá khuôn khổ pháp lý về tôn giáo tại Việt Nam là mang tính hạn chế và không phù hợp với chuẩn mực quốc tế, bài viết cho rằng các kết luận này dựa trên cách hiểu tối đa hóa quyền tự do tôn giáo, chưa hoàn toàn phù hợp với logic nội tại của pháp luật Hoa Kỳ.*

Thông qua việc phân tích các án lệ quan trọng của Tòa án Tối cao Hoa Kỳ như Employment Division v. Smith (1990), South Bay United Pentecostal Church v. Newsom (2020), và Fulton v. City of Philadelphia (2021), bài viết chứng minh rằng tự do tôn giáo trong pháp luật Hoa Kỳ không mang tính tuyệt đối, mà luôn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật trung lập, áp dụng chung và các lợi ích công cộng.

Bài viết chỉ ra rằng các cơ chế hành chính như đăng ký, quản lý và điều tiết hoạt động tôn giáo, vốn bị USCIRF phê bình trong bối cảnh Việt Nam, không mặc nhiên cấu thành sự vi phạm tự do tôn giáo khi được đặt trong một khung pháp lý so sánh tương đương.

Thông qua phương pháp "phê bình nội tại", bài viết đóng góp vào lĩnh vực nghiên cứu pháp luật và tôn giáo bằng cách chỉ ra sự chưa nhất quán phương pháp luận khi áp dụng tiêu chuẩn của Hoa Kỳ mà không xét đầy đủ các giới hạn học thuyết trong chính hệ thống pháp luật Hoa Kỳ.

Một câu hỏi trung tâm

Trong bối cảnh toàn cầu hóa các chuẩn mực nhân quyền, tự do tôn giáo ngày càng trở thành một tiêu chí quan trọng trong đánh giá chính sách và quan hệ quốc tế.

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam đã đưa ra nhiều nhận định cho rằng các cơ chế quản lý tôn giáo tại Việt Nam mang tính hạn chế và không phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra là liệu các đánh giá này có thực sự phù hợp với chính hệ chuẩn pháp lý của Hoa Kỳ hay không.

Trong hệ thống pháp luật Hoa Kỳ, quyền tự do tôn giáo được bảo đảm bởi Tu chính án thứ nhất, nhưng đồng thời được giới hạn và diễn giải thông qua hệ thống án lệ phong phú.



Hình minh họa được tạo bởi AI

Bài viết này đặt câu hỏi trung tâm: Liệu cách đánh giá của USCIRF có nhất quán với chính hệ thống án lệ Hoa Kỳ về tự do tôn giáo hay không? Người viết sẽ diễn giải theo từng vấn đề theo sau:

a/Hai mô hình tiếp cận tự do tôn giáo

Tự do tôn giáo được giải thích theo nhiều mô hình lý thuyết khác nhau. Hai mô hình chính là mô hình tự do cá nhân và mô hình quản trị nhà nước. Hai mô hình này phản ánh hai cách hiểu khác nhau về vai trò của nhà nước đối với tôn giáo.

Mô hình tự do cá nhân xem tự do tôn giáo là một quyền cơ bản của cá nhân. Quyền này cần được bảo vệ ở mức cao nhất. Nhà nước phải hạn chế tối đa sự can thiệp. Cách tiếp cận này gắn với truyền thống tự do phương Tây. Nó nhấn

mạnh quyền tự do tín ngưỡng, hành đạo và biểu đạt tôn giáo (McConnell, 1990). Trong mô hình này, tôn giáo được hiểu là lựa chọn cá nhân. Nhà nước không được can thiệp vào nội dung niềm tin. Nhà nước cũng không nên kiểm soát hoạt động tôn giáo trừ khi có lý do rất mạnh. Các hạn chế phải được giải thích chặt chẽ. Các quyền tôn giáo được đặt gần với các quyền tự do ngôn luận (Greenawalt, 2006). Tuy nhiên, nhiều học giả cho rằng mô hình này có giới hạn. Sullivan lập luận rằng tự do tôn giáo không thể tồn tại như một quyền tuyệt đối trong thực tiễn pháp lý. Bởi vì nhà nước luôn phải xác định đâu là "tôn giáo" và đâu là "không tôn giáo". Việc này đã là một dạng can thiệp (Sullivan, 2005). Do đó, khái niệm tự do tôn giáo luôn mang tính thể chế.

Mô hình thứ hai là mô hình quản trị. Mô hình này xem tôn giáo là một hiện tượng xã hội. Tôn giáo có tác động đến trật tự công cộng. Nhà nước có vai trò điều tiết. Nhà nước có thể thiết lập các cơ chế quản lý hành chính. Các cơ chế này bao gồm đăng ký, công nhận tổ chức và giám sát hoạt động. Trong mô hình này, tự do tôn giáo không bị phủ nhận. Tuy nhiên, nó được đặt trong mối quan hệ với các lợi ích khác. Các lợi ích này bao gồm an ninh, trật tự và sức khỏe cộng đồng. Nhà nước có thể giới hạn hành vi tôn giáo nếu cần thiết. Việc giới hạn phải có cơ sở pháp lý rõ ràng (Greenawalt, 2006). Luật quốc tế cũng phản ánh cách tiếp cận cân bằng này. Điều 18 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cho phép hạn chế quyền tự do tôn giáo trong một số trường hợp. Các trường hợp này bao gồm bảo vệ an ninh, trật tự công cộng và đạo đức xã hội (Nations, 1996).

Như vậy, hai mô hình không đối lập hoàn toàn. Chúng phản ánh hai trọng tâm khác nhau. Một bên nhấn mạnh quyền cá nhân. Một bên nhấn mạnh quản trị xã hội. Phần lớn các hệ thống pháp luật hiện đại kết hợp cả hai yếu tố.

b/Tự do tôn giáo trong pháp luật Hoa Kỳ

Tự do tôn giáo trong pháp luật Hoa Kỳ được bảo đảm bởi First Amendment to the United States Constitution thường được dịch là Tu chính án thứ nhất. Tu chính án này bao gồm hai nguyên tắc. Nguyên tắc thứ nhất là không thiết lập tôn giáo. Nguyên tắc thứ hai là bảo vệ tự do thực hành tôn giáo.

Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã phát triển một hệ thống án lệ để giải thích hai nguyên tắc này. Một nguyên tắc quan trọng là sự phân biệt giữa niềm tin và hành vi. Trong vụ Reynolds v. United States (Reynolds v. United States, 1879), Tòa án khẳng định niềm tin được bảo vệ tuyệt đối. Tuy nhiên, hành vi có thể bị điều chỉnh bởi pháp luật. Nguyên tắc này vẫn được duy trì đến hiện nay.

Một nguyên tắc khác là học thuyết “luật trung lập áp dụng chung”. Trong vụ Employment Division v. Smith (Employment Division v. Smith, 1990), Tòa án cho rằng các quy định pháp luật trung lập có thể áp dụng cho mọi công dân. Điều này đúng ngay cả khi quy định đó ảnh hưởng đến hành vi tôn giáo. Tòa án không yêu cầu nhà nước phải tạo ra ngoại lệ trong mọi trường hợp.

Án lệ hiện đại tiếp tục củng cố cách tiếp cận này. Trong vụ Fulton v. City of Philadelphia (Fulton v. City of Philadelphia, 2021), Tòa án xem xét liệu chính sách của chính quyền có mang tính trung lập hay không. Tòa không tuyên bố rằng mọi yêu cầu của tổ chức tôn giáo phải được chấp nhận. Tòa chỉ yêu cầu nhà nước không được áp dụng chính sách một cách tùy tiện. Các án lệ trong giai đoạn COVID-19 cũng rất quan trọng. Trong vụ South Bay United Pentecostal Church v. Newsom (South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, 2020), Tòa án cho phép hạn chế sinh hoạt tôn giáo vì lý do y tế công cộng. Quyết định này cho thấy quyền tự do tôn giáo có thể bị giới hạn trong những tình huống khẩn cấp. Trong vụ Roman Catholic Diocese v. Cuomo (Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 2020), Tòa án nhấn mạnh tiêu chuẩn so sánh. Tòa xem xét liệu tôn giáo có bị đối xử bất lợi hơn các hoạt động thế tục tương tự hay không. Đây là tiêu chuẩn trung tâm trong án lệ Hoa Kỳ. Trong vụ Roman Catholic Diocese v. Cuomo, Tòa án nhấn mạnh tiêu chuẩn so sánh. Tòa xem xét liệu tôn giáo có bị đối xử bất lợi hơn các hoạt động thế tục tương tự hay không. Đây là tiêu chuẩn trung tâm trong án lệ Hoa Kỳ. Ngoài ra, các án lệ gần đây cũng cho thấy không tồn tại miễn trừ tuyệt đối cho tôn giáo. Trong vụ Groff v. DeJoy (Groff v. DeJoy, 2023), Tòa án xác định rằng việc bảo vệ tôn giáo trong lao động có giới hạn. Giới hạn này liên quan đến chi phí và tác động thực tiễn.

Từ các án lệ trên, có thể rút ra ba nguyên tắc. Thứ nhất, tự do tôn giáo không phải là quyền tuyệt đối. Thứ hai, luật trung lập có thể áp dụng cho tôn giáo. Thứ ba, nhà nước có thể giới hạn hành vi tôn giáo vì lợi ích công cộng. Những nguyên tắc này tạo thành nền tảng của pháp luật Hoa Kỳ về tự do tôn giáo. Chúng cũng là cơ sở quan trọng để phân tích và đánh giá các báo cáo quốc tế về tôn giáo.

Phân tích các tiếp cận của Uscirf

Báo cáo năm 2025 của USCIRF về Việt Nam xây dựng đánh giá dựa trên giả định rằng tự do tôn giáo phải được bảo vệ ở mức tối đa. Báo cáo cho rằng khuôn khổ pháp lý của Việt Nam “widely restricts religious freedom”, đặc biệt đối với các nhóm tôn giáo độc lập (Freedom, 2025). Đồng thời, USCIRF nhấn mạnh rằng các cộng đồng không đăng ký hoặc không được công nhận phải đối mặt với các

hình thức kiểm soát và trừng phạt (Freedom, Vietnam Country Update, 2025).

Cách tiếp cận này thể hiện rõ một mô hình quyền cá nhân. USCIRF có xu hướng xem mọi cơ chế quản lý hành chính như dấu hiệu của sự hạn chế quyền. Báo cáo đặc biệt nhấn mạnh rằng việc yêu cầu các hoạt động tôn giáo phải diễn ra trong khuôn khổ tổ chức được nhà nước công nhận là không phù hợp với chuẩn mực quốc tế (Freedom, Vietnam Country Update, 2025). Từ đó, USCIRF chuyển từ việc mô tả cơ chế pháp lý sang kết luận về vi phạm quyền.



Hình minh họa được tạo bởi AI

Tuy nhiên, cách diễn giải này bộc lộ một số giới hạn phương pháp luận.

Thứ nhất, USCIRF có xu hướng đồng nhất giữa “quản lý hành chính” và “hạn chế tự do tôn giáo”. Báo cáo nhấn mạnh rằng sự kiểm soát của nhà nước đối với tổ chức và hoạt động tôn giáo là dấu hiệu của sự hạn chế (Freedom, Religious freedom conditions in Vietnam, 2025). Tuy nhiên, cách tiếp cận này chưa làm rõ tiêu chí pháp lý để phân biệt giữa quản lý hợp pháp và can thiệp vi hiến. Việc thiếu tiêu chí này dẫn đến kết luận mang tính khái quát hóa.

Thứ hai, USCIRF áp dụng một chuẩn đánh giá mang tính tuyệt đối. Báo cáo sử dụng các cụm từ như “severely restricted” và “systematic violations” để mô tả tình hình tôn giáo (Freedom, Press release on Vietnam religious repression., 2025). Tuy nhiên, việc sử dụng các khái niệm này không luôn đi kèm với phân tích về mức độ cần thiết, tính hợp lý và tính tương xứng của các biện pháp quản lý. Đây là những yếu tố cốt lõi trong đánh giá pháp lý về quyền.

Thứ ba, USCIRF chưa phân biệt rõ giữa niềm tin tôn giáo và hành vi tôn giáo. Báo cáo thường tập trung vào các trường hợp bị xử lý liên quan đến hoạt động tôn giáo mà không phân tích bản chất pháp lý của hành vi đó. Ví dụ, các trường hợp liên quan đến "unregistered religious activities" được mô tả như vi phạm quyền, trong khi không xem xét liệu các hành vi đó có liên quan đến vi phạm luật chung hay không (News, 2025)

Thứ tư, USCIRF có xu hướng áp dụng một chuẩn đánh giá đơn nhất cho các hệ thống pháp lý khác nhau. Báo cáo sử dụng các tiêu chí dựa trên luật quốc tế và chính sách của Hoa Kỳ để đánh giá Việt Nam. Tuy nhiên, cách tiếp cận này chưa tính đến sự khác biệt về mô hình nhà nước và phương thức quản trị tôn giáo. Việc áp dụng một chuẩn duy nhất có thể dẫn đến đánh giá thiếu cân bằng.

Từ các phân tích trên, có thể thấy rằng cách tiếp cận của USCIRF mang tính nhất quán về mục tiêu bảo vệ quyền. Tuy nhiên, về phương pháp pháp lý, cách tiếp cận này còn hạn chế. Nó có xu hướng tuyệt đối hóa quyền, khái quát hóa từ hiện tượng quản lý, và chưa làm rõ các tiêu chí pháp lý cần thiết để xác định vi phạm. Do đó, việc đánh giá các cơ chế quản lý tôn giáo tại Việt Nam cần được đặt trong một khung phân tích pháp lý chặt chẽ hơn và có tính so sánh.

Đối chiếu với án lệ Hoa Kỳ

Nguyên tắc luật trung lập (Neutral Law of General Applicability)

Nguyên tắc luật trung lập là nền tảng của án lệ Hoa Kỳ về tự do tôn giáo. Nguyên tắc này xác định rằng nhà nước có thể ban hành các quy định áp dụng chung. Các quy định này không nhằm vào tôn giáo. Các quy định này không phân biệt đối xử. Trong trường hợp đó, luật vẫn có thể áp dụng đối với chủ thể tôn giáo.

Nguyên tắc này được xác lập rõ ràng trong vụ Employment Division v. Smith. Tòa án Tối cao Hoa Kỳ cho rằng Hiến pháp không yêu cầu nhà nước phải tạo ngoại lệ tôn giáo trong mọi trường hợp. Tòa nhấn mạnh rằng một cá nhân không thể viện dẫn niềm tin tôn giáo để tránh nghĩa vụ tuân thủ luật hình sự áp dụng chung (Employment Division v. Smith, 1990). Án lệ này đánh dấu sự chuyển hướng quan trọng trong học thuyết tự do tôn giáo. Trước đó, Tòa án thường áp dụng tiêu chuẩn kiểm tra nghiêm ngặt. Sau Smith, Tòa án chấp nhận rằng luật trung lập có thể được áp dụng mà không cần chứng minh lợi ích cấp thiết trong mọi trường hợp (McConnell, 1990). Nguyên tắc này được duy trì trong các án lệ sau đó. Trong vụ Fulton v. City of Philadelphia, Tòa án không

bác bỏ Smith. Tòa chỉ xem xét liệu chính sách của chính quyền có thực sự trung lập hay không. Tòa tập trung vào tính nhất quán trong việc áp dụng quy định (Fulton v. City of Philadelphia, 2021).

Do đó, tiêu chuẩn pháp lý không phải là “có quy định hay không”. Tiêu chuẩn là “quy định đó có trung lập hay không”. Nếu quy định áp dụng cho mọi chủ thể thì quy định đó có thể hợp hiến. Điều này đúng ngay cả khi quy định đó ảnh hưởng đến hoạt động tôn giáo. Nguyên tắc luật trung lập cũng phù hợp với cách tiếp cận của luật quốc tế. Điều 18 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cho phép giới hạn quyền trong một số trường hợp nhất định. Các giới hạn này phải dựa trên luật và nhằm bảo vệ lợi ích công cộng (Nations, 1996).

Từ các phân tích trên, có thể rút ra kết luận rõ ràng. Sự tồn tại của cơ chế quản lý hành chính không đồng nghĩa với vi phạm tự do tôn giáo. Vấn đề cốt lõi là tính trung lập và phạm vi áp dụng của quy định. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá các hệ thống pháp luật khác nhau.

Giới hạn vì lợi ích công cộng

Nguyên tắc giới hạn vì lợi ích công cộng là một trụ cột của án lệ Hoa Kỳ về tự do tôn giáo. Quyền tự do tôn giáo không phải là quyền tuyệt đối. Quyền này có thể bị giới hạn trong những hoàn cảnh nhất định. Các giới hạn này phải nhằm bảo vệ lợi ích công cộng. Các lợi ích này bao gồm sức khỏe, an ninh và trật tự xã hội.

Nguyên tắc này được thể hiện rõ trong giai đoạn đại dịch COVID-19. Trong vụ South Bay United Pentecostal Church v. Newsom (South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, 2020), Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã xem xét các biện pháp hạn chế tụ tập tôn giáo tại bang California. Tòa không chấp nhận yêu cầu miễn trừ hoàn toàn cho các tổ chức tôn giáo. Tòa nhấn mạnh vai trò của nhà nước trong việc bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Quyết định này xác nhận rằng nhà nước có thể áp dụng các biện pháp hạn chế. Các biện pháp này có thể ảnh hưởng đến sinh hoạt tôn giáo. Tuy nhiên, các biện pháp đó vẫn có thể hợp hiến. Điều kiện là các biện pháp này phục vụ mục tiêu công cộng chính đáng. Điều kiện thứ hai là các biện pháp này được áp dụng trong phạm vi hợp lý.

Nguyên tắc này tiếp tục được làm rõ trong vụ Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo. Trong vụ này, Tòa án Tối cao đã xem xét các hạn chế tại bang New York. Tòa không phủ nhận quyền của nhà nước trong việc ban hành các biện pháp y tế. Tòa chỉ yêu cầu rằng các biện pháp đó không được đối xử bất lợi với tôn giáo so với các hoạt động thế tục tương tự (Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 2020). Án lệ này cho thấy một tiêu chuẩn quan

trọng. Tiêu chuẩn đó là tính tương xứng và bình đẳng trong áp dụng pháp luật. Nhà nước có thể hạn chế tôn giáo. Tuy nhiên, nhà nước không được áp dụng hạn chế một cách phân biệt. Nhà nước phải chứng minh rằng các biện pháp là cần thiết và hợp lý trong bối cảnh cụ thể.

Ngoài ra, trong vụ Tandon v. Newsom, Tòa án tiếp tục nhấn mạnh nguyên tắc so sánh. Tòa yêu cầu đánh giá liệu các hoạt động tôn giáo có bị đối xử nghiêm khắc hơn các hoạt động thế tục tương tự hay không (Tandon v. Newsom, 2021). Các án lệ này cho thấy một kết luận rõ ràng. Giới hạn đối với tự do tôn giáo là hợp pháp nếu nhằm bảo vệ lợi ích công cộng. Tuy nhiên, các giới hạn này phải đáp ứng các điều kiện pháp lý cụ thể.

Các điều kiện này bao gồm tính cần thiết, tính hợp lý và tính không phân biệt đối xử. Nguyên tắc này cũng phù hợp với luật quốc tế. Điều 18 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cho phép các quốc gia giới hạn tự do tôn giáo trong những trường hợp nhất định. Các trường hợp này phải liên quan đến bảo vệ trật tự công cộng và sức khỏe cộng đồng (Nations, 1996).



Hình minh họa được tạo bởi AI

Từ các phân tích trên, có thể khẳng định rằng pháp luật Hoa Kỳ thừa nhận giới hạn đối với tự do tôn giáo. Các giới hạn này không bị xem là vi phạm quyền nếu đáp ứng các tiêu chí pháp lý. Nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá các hệ thống pháp luật khác.

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom có xu hướng xem các biện pháp hạn chế hoạt động tôn giáo tại Việt Nam như dấu hiệu của vi phạm quyền. Báo cáo nhấn mạnh rằng các quy định về đăng ký, kiểm soát và đình chỉ hoạt động tôn giáo thể hiện sự hạn chế tự do tôn giáo (Freedom, Annual Report 2025: Vietnam., 2025). Tuy nhiên, cách diễn giải này chưa đặt các biện pháp đó trong khuôn khổ pháp lý về lợi ích công cộng.

Trong vụ South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, Tòa án đã chấp nhận các hạn chế nhằm bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Điều này cho thấy rằng yếu tố công cộng có thể biện minh cho sự can thiệp của nhà nước. Tuy nhiên, báo cáo USCIRF không phân tích đầy đủ yếu tố này.

Báo cáo không làm rõ liệu các biện pháp quản lý tại Việt Nam có nhằm bảo vệ trật tự công cộng hay không. Báo cáo cũng không đánh giá mức độ cần thiết và tính tương xứng của các biện pháp đó. Việc thiếu các tiêu chí này làm suy yếu cơ sở pháp lý của kết luận.

Ngoài ra, USCIRF có xu hướng chuyển trực tiếp từ việc tồn tại biện pháp quản lý sang kết luận về vi phạm quyền. Cách tiếp cận này bỏ qua bước đánh giá trung gian. Trong án lệ Hoa Kỳ, bước đánh giá này là bắt buộc. Tòa án luôn xem xét mục tiêu của nhà nước và mức độ ảnh hưởng đến quyền.

Trong vụ Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo. Tòa án không phủ nhận quyền hạn chế của nhà nước. Tòa chỉ yêu cầu các hạn chế phải hợp lý và không phân biệt đối xử. Điều này cho thấy rằng sự tồn tại của hạn chế không đồng nghĩa với vi phạm.

Do đó, có thể lập luận rằng cách tiếp cận của USCIRF mang tính giản lược. Báo cáo nhấn mạnh kết quả nhưng chưa phân tích đầy đủ quá trình pháp lý. Báo cáo chưa đặt các biện pháp quản lý trong bối cảnh lợi ích công cộng. Báo cáo cũng chưa áp dụng các tiêu chí đánh giá tương xứng như trong án lệ Hoa Kỳ. Từ góc độ này, có thể kết luận rằng các nhận định của USCIRF về Việt Nam chưa hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc giới hạn vì lợi ích công cộng trong pháp luật Hoa Kỳ. Việc đánh giá tự do tôn giáo cần dựa trên phân tích cân bằng. Phân tích này phải xem xét cả quyền cá nhân và lợi ích xã hội.

Tiêu chuẩn “không phân biệt đối xử” (Non-Discrimination Standard)

Tiêu chuẩn “không phân biệt đối xử” là nguyên tắc trung tâm trong án lệ Hoa Kỳ về tự do tôn giáo. Nguyên tắc này yêu cầu nhà nước không được đối xử bất lợi với tôn giáo so với các hoạt động thế tục tương tự. Nguyên tắc này không loại bỏ quyền quản lý của nhà nước. Nguyên tắc này chỉ giới hạn cách thức áp dụng quyền lực.

Nguyên tắc này được thể hiện rõ trong vụ Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo. Tòa án Tối cao xem xét các quy định hạn chế tại bang New York. Tòa nhận thấy nhà thờ bị áp dụng giới hạn nghiêm ngặt hơn so với các cơ sở thế tục. Tòa kết luận rằng sự khác biệt này là không hợp hiến (Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 2020). Nguyên tắc này tiếp tục được khẳng định trong vụ Tandon v. Newsom. Tòa án nhấn mạnh rằng nếu một hoạt động thế tục được phép diễn ra với mức độ rủi ro tương tự, thì hoạt động tôn giáo cũng phải được đối xử tương đương.

Tòa yêu cầu đánh giá dựa trên tính tương đồng thực tế của các hoạt động (Tandon v. Newsom, 2021). Từ các án lệ này, có thể rút ra một tiêu chuẩn rõ ràng. Nhà nước có thể ban hành các hạn chế. Tuy nhiên, nhà nước không được áp dụng các hạn chế đó theo cách bất bình đẳng. Tôn giáo không được bị đặt vào vị trí bất lợi hơn. Tiêu chuẩn này là tiêu chuẩn cốt lõi trong việc đánh giá tính hợp hiến của các biện pháp liên quan đến tôn giáo.

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam cho rằng các nhóm tôn giáo độc lập bị hạn chế và bị đối xử bất lợi so với các tổ chức được công nhận (Freedom, Annual Report 2025: Vietnam., 2025). Tuy nhiên, báo cáo không cung cấp một phân tích so sánh đầy đủ giữa các chủ thể tương tự. Báo cáo không xác định rõ các hoạt động thế tục nào được đối xử ưu tiên hơn. Báo cáo cũng không chứng minh rằng các biện pháp quản lý chỉ áp dụng riêng cho tôn giáo.

Trong án lệ Hoa Kỳ, việc chứng minh phân biệt đối xử đòi hỏi một bước phân tích cụ thể. Bước này bao gồm việc xác định đối tượng so sánh và mức độ đối xử khác biệt. Nếu không có sự so sánh này, kết luận về phân biệt đối xử sẽ thiếu cơ sở pháp lý. Ngoài ra, trong nhiều trường hợp, các quy định hành chính có thể áp dụng cho tất cả các tổ chức. Các quy định này không chỉ áp dụng cho tôn giáo.

Các quy định này có thể liên quan đến an ninh, trật tự hoặc quản lý tổ chức. Trong trường hợp đó, việc áp dụng quy định không thể được xem là phân biệt đối xử. Do đó, có thể lập luận rằng cách tiếp cận của USCIRF chưa đáp ứng tiêu chuẩn phân tích của án lệ Hoa Kỳ. Báo cáo có xu hướng suy ra sự phân biệt từ sự khác biệt trong địa vị pháp lý. Tuy nhiên, sự khác biệt này không tự động

dẫn đến vi phạm nguyên tắc bình đẳng.

Từ góc độ này, có thể kết luận rằng các nhận định của USCIRF về Việt Nam chưa làm rõ tiêu chí "không phân biệt đối xử" theo chuẩn pháp lý Hoa Kỳ. Việc đánh giá cần dựa trên phân tích so sánh cụ thể. Phân tích này phải xác định rõ đối tượng và mức độ đối xử. Nếu không có các yếu tố này, kết luận về vi phạm sẽ thiếu tính thuyết phục.

Không tồn tại miễn trừ tuyệt đối (No Absolute Religious Exemption)

Nguyên tắc "không tồn tại miễn trừ tuyệt đối" là một đặc điểm ổn định của án lệ Hoa Kỳ về tự do tôn giáo. Quyền tự do tôn giáo không tạo ra quyền miễn trừ toàn diện khỏi pháp luật. Nhà nước vẫn có thể áp dụng luật chung đối với các chủ thể tôn giáo. Nguyên tắc này bảo đảm tính thống nhất của trật tự pháp lý.

Cơ sở của nguyên tắc này xuất hiện sớm trong án lệ Hoa Kỳ. Trong vụ Reynolds v. United States, Tòa án Tối cao khẳng định rằng niềm tin tôn giáo được bảo vệ. Tuy nhiên, hành vi tôn giáo không được miễn trừ khỏi luật hình sự. Tòa bác bỏ lập luận cho rằng tôn giáo có thể đứng ngoài pháp luật chung (Reynolds v. United States, 1879). Nguyên tắc này tiếp tục được củng cố trong vụ Employment Division v. Smith. Tòa án xác định rằng Hiến pháp không yêu cầu nhà nước phải tạo ra ngoại lệ tôn giáo trong mọi trường hợp. Cá nhân không thể viện dẫn tôn giáo để tránh nghĩa vụ tuân thủ luật áp dụng chung (Employment Division v. Smith, 1990). Quyết định này xác lập rằng quyền tự do tôn giáo không đồng nghĩa với quyền miễn trừ khỏi nghĩa vụ pháp lý. Các án lệ hiện đại tiếp tục duy trì nguyên tắc này. Trong vụ Fulton v. City of Philadelphia, Tòa án không công nhận một quyền miễn trừ tuyệt đối. Tòa chỉ xem xét tính nhất quán và tính trung lập của chính sách. Tòa không khẳng định rằng tổ chức tôn giáo có quyền đứng ngoài các quy định chung (Fulton v. City of Philadelphia, 2021).

Các tòa án liên bang cấp dưới cũng khẳng định nguyên tắc này. Trong vụ Seattle Pacific University v. Ferguson, Tòa phúc thẩm khẳng định rằng các tổ chức tôn giáo không có quyền miễn trừ toàn diện khỏi luật thế tục. Tòa nhấn mạnh rằng các quy định chống phân biệt đối xử vẫn có thể áp dụng (Seattle Pacific University v. Ferguson, 9th Cir. 2024). Trong vụ Olympus Spa v. Armstrong, Tòa tiếp tục khẳng định rằng luật chung có thể điều chỉnh hành vi tôn giáo nếu luật mang tính trung lập (Olympus Spa v. Armstrong, 9th Cir. 2025).

Từ các án lệ trên, có thể rút ra một kết luận nhất quán. Tự do tôn giáo trong pháp luật Hoa Kỳ không tạo ra một vùng miễn trừ tuyệt đối. Các chủ thể tôn giáo vẫn phải tuân thủ luật chung. Các ngoại lệ chỉ tồn tại trong những điều kiện cụ thể và có giới hạn.

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam có xu hướng tiếp cận khác. Báo cáo nhấn mạnh rằng các quy định quản lý của nhà nước đối với tổ chức tôn giáo là sự hạn chế quyền (Freedom, Vietnam Country Update, 2025). Báo cáo cho rằng các nhóm tôn giáo cần được hoạt động độc lập mà không bị kiểm soát hành chính. Cách tiếp cận này hàm ý một mức độ miễn trừ cao đối với tôn giáo. Tuy nhiên, cách diễn giải này chưa phù hợp với chuẩn án lệ Hoa Kỳ. Trong hệ thống Hoa Kỳ, không có nguyên tắc nào cho phép tôn giáo đứng ngoài pháp luật chung. Các cơ chế quản lý như đăng ký, giám sát hoặc điều tiết không tự động cấu thành vi phạm. Vấn đề cốt lõi là tính trung lập và mục tiêu công cộng của quy định.

USCIRF không phân tích đầy đủ các tiêu chí này. Báo cáo không xem xét liệu các quy định có áp dụng chung hay không. Báo cáo cũng không đánh giá mức độ cần thiết của các biện pháp. Việc bỏ qua các yếu tố này dẫn đến kết luận mang tính mở rộng. Do đó, có thể lập luận rằng cách tiếp cận của USCIRF chưa phản ánh đầy đủ nguyên tắc “không tồn tại miễn trừ tuyệt đối” trong pháp luật Hoa Kỳ. Việc đánh giá tự do tôn giáo cần dựa trên phân tích cân bằng. Phân tích này phải xem xét cả quyền tôn giáo và nghĩa vụ pháp lý. Nếu không có sự cân bằng này, kết luận sẽ thiếu cơ sở học thuật.

Phân tích so sánh Việt Nam - Hoa Kỳ

Khác biệt về mô hình (Differences in Legal Models)

Pháp luật Hoa Kỳ và Việt Nam phản ánh hai mô hình khác nhau về quan hệ giữa nhà nước và tôn giáo. Hoa Kỳ áp dụng mô hình quyền cá nhân. Việt Nam áp dụng mô hình quản lý nhà nước. Sự khác biệt này có ý nghĩa quyết định trong đánh giá pháp lý.

Trong hệ thống Hoa Kỳ, tự do tôn giáo được bảo đảm bởi First Amendment to the United States Constitution. Nhà nước không thiết lập tôn giáo. Nhà nước không can thiệp trực tiếp vào tổ chức tôn giáo. Tuy nhiên, nhà nước vẫn điều chỉnh hành vi tôn giáo thông qua luật chung. Án lệ Employment Division v. Smith xác nhận rằng luật trung lập có thể áp dụng cho mọi công dân, bao gồm cả chủ thể tôn giáo (Employment Division v. Smith, 1990).

Trong hệ thống Việt Nam, pháp luật quy định rõ vai trò quản lý của nhà nước. Luật Tín ngưỡng 2016 yêu cầu các tổ chức tôn giáo phải đăng ký và được công nhận. Nhà nước có thể giám sát hoạt động tôn giáo. Nhà nước có thể áp dụng biện pháp hành chính trong một số trường hợp. Cách tiếp cận này phản ánh mô hình quản trị xã hội.

Sự khác biệt giữa hai hệ thống không nằm ở việc có hay không có giới hạn. Sự khác biệt nằm ở hình thức thể hiện giới hạn. Hoa Kỳ áp dụng giới hạn thông qua án lệ. Việt Nam áp dụng giới hạn thông qua luật thành văn. Cả hai hệ thống đều điều chỉnh hành vi tôn giáo. Cả hai hệ thống đều không công nhận quyền tuyệt đối.

Báo cáo của United States Commission on International Religious Freedom năm 2025 không làm rõ sự khác biệt này. Báo cáo có xu hướng đánh giá Việt Nam theo mô hình quyền cá nhân của Hoa Kỳ (Freedom, Annual Report 2025: Vietnam., 2025). Báo cáo xem cơ chế đăng ký và quản lý là dấu hiệu của hạn chế quyền. Tuy nhiên, báo cáo không xem xét rằng các cơ chế này thuộc về một mô hình pháp lý khác.

Trong phân tích so sánh, việc bỏ qua bối cảnh hệ thống là một hạn chế phương pháp luận. Mỗi hệ thống pháp luật có logic nội tại riêng. Việc áp dụng một tiêu chuẩn duy nhất có thể dẫn đến kết luận thiếu chính xác. Do đó, cách tiếp cận của USCIRF chưa phản ánh đầy đủ sự khác biệt về mô hình pháp lý.

Điểm tương đồng (Convergences in Legal Principles)

Mặc dù có sự khác biệt về mô hình, pháp luật Hoa Kỳ và Việt Nam vẫn có những điểm tương đồng quan trọng. Điểm tương đồng đầu tiên là cả hai hệ thống đều không coi tự do tôn giáo là quyền tuyệt đối. Án lệ Reynolds v. United States khẳng định hành vi tôn giáo có thể bị điều chỉnh bởi pháp luật (Reynolds v. United States, 1879). Pháp luật Việt Nam cũng cho phép giới hạn hoạt động tôn giáo trong các trường hợp liên quan đến an ninh và trật tự.

Điểm tương đồng thứ hai là cả hai hệ thống đều thừa nhận vai trò của lợi ích công cộng. Trong vụ South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, Tòa án cho phép hạn chế sinh hoạt tôn giáo vì lý do sức khỏe cộng đồng (South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, 2020). Pháp luật Việt Nam cũng cho phép áp dụng các biện pháp tương tự trong bối cảnh cần thiết.

Điểm tương đồng thứ ba là cả hai hệ thống đều áp dụng các quy định chung đối với tổ chức tôn giáo. Trong án lệ Fulton v. City of Philadelphia, Tòa án xem xét tính trung lập của chính sách, không loại trừ khả năng áp dụng luật đối với tổ chức tôn giáo (Fulton v. City of Philadelphia, 2021). Tại Việt Nam, các quy định hành chính cũng áp dụng cho các tổ chức nói chung, không chỉ riêng tôn giáo.

Những điểm tương đồng này cho thấy hai hệ thống không hoàn toàn đối lập. Cả hai đều xây dựng một cơ chế cân bằng giữa quyền và quản lý. Cả hai đều thừa nhận rằng tự do tôn giáo cần được đặt trong khuôn khổ pháp luật.

Tuy nhiên, báo cáo USCIRF chưa làm nổi bật các điểm tương đồng này. Báo cáo tập trung vào sự khác biệt về hình thức quản lý. Báo cáo không phân tích các nguyên tắc chung về giới hạn quyền. Việc bỏ qua các điểm tương đồng dẫn đến một cách nhìn thiếu cân bằng. Do đó, có thể lập luận rằng cách tiếp cận của USCIRF chưa phản ánh đầy đủ bản chất pháp lý của hai hệ thống. Việc đánh giá cần dựa trên cả sự khác biệt và sự tương đồng. Nếu chỉ nhấn mạnh một phía, kết luận sẽ thiếu cơ sở học thuật.

Phê bình học thuật Uscirf

Giới hạn phương pháp luận (Methodological Limitations)

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam sử dụng cách tiếp cận nhấn mạnh quyền. Báo cáo cho rằng các cơ chế đăng ký, giám sát và quản lý hành chính là hạn chế tự do tôn giáo. Báo cáo chuyển trực tiếp từ việc tồn tại quy định sang kết luận vi phạm. Cách tiếp cận này thể hiện một giới hạn phương pháp luận rõ ràng.

Trong án lệ Hoa Kỳ, việc đánh giá tự do tôn giáo luôn dựa trên tiêu chí pháp lý cụ thể. Tòa án không đồng nhất quản lý hành chính với vi phạm quyền. Tòa án yêu cầu phân tích tính trung lập và phạm vi áp dụng của quy định.

Trong vụ Employment Division v. Smith, Tòa án xác định rằng luật trung lập áp dụng chung không vi phạm Hiến pháp (Employment Division v. Smith, 1990). Nguyên tắc này phủ nhận cách hiểu rằng mọi quy định quản lý đều là hạn chế quyền.

Ngoài ra, án lệ Hoa Kỳ yêu cầu đánh giá mục tiêu công cộng của quy định. Trong vụ South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, Tòa án chấp nhận hạn chế sinh hoạt tôn giáo vì lý do sức khỏe cộng đồng (South Bay United

Pentecostal Church v. Newsom, 2020). Quyết định này cho thấy rằng sự tồn tại của hạn chế không đồng nghĩa với vi phạm. Quyết định này khẳng định vai trò của phân tích lợi ích công cộng. Án lệ Hoa Kỳ cũng yêu cầu kiểm tra yếu tố không phân biệt đối xử. Trong vụ Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, Tòa án xem xét sự khác biệt trong cách áp dụng quy định (Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 2020). Tòa không kết luận vi phạm chỉ vì có hạn chế. Tòa yêu cầu chứng minh sự đối xử bất lợi.

Báo cáo USCIRF không áp dụng các tiêu chí này. Báo cáo không phân tích tính trung lập của quy định. Báo cáo không đánh giá mục tiêu công cộng. Báo cáo không kiểm tra yếu tố so sánh. Việc thiếu các bước phân tích này làm giảm giá trị khoa học của kết luận. Cách tiếp cận của USCIRF có xu hướng đồng nhất quản lý hành chính với vi phạm.

Cách tiếp cận này mang tính khái quát hóa. Cách tiếp cận này không phù hợp với phương pháp pháp lý. Trong khoa học pháp lý, kết luận phải dựa trên tiêu chí kiểm chứng. Các tiêu chí này bao gồm tính trung lập, tính cần thiết và tính tương xứng.

Ngoài ra, các nghiên cứu học thuật cũng cảnh báo về nguy cơ tuyệt đối hóa quyền. Sullivan cho rằng tự do tôn giáo không thể được hiểu tách rời khỏi bối cảnh thể chế (Sullivan, 2005). Greenawalt nhấn mạnh rằng quyền tôn giáo phải được cân bằng với các lợi ích xã hội khác (Greenawalt, 2006). Các quan điểm này phù hợp với án lệ Hoa Kỳ.

Từ các phân tích trên, có thể kết luận rằng cách tiếp cận của USCIRF còn hạn chế về phương pháp. Báo cáo thiếu phân tích pháp lý có hệ thống. Báo cáo sử dụng suy luận trực tiếp từ hiện tượng quản lý sang vi phạm quyền. Cách suy luận này thiếu cơ sở khoa học. Cách suy luận này không phù hợp với chuẩn án lệ Hoa Kỳ. Do đó, việc đồng nhất quản lý hành chính với vi phạm tự do tôn giáo là một kết luận chưa được chứng minh đầy đủ. Kết luận này mang tính chủ quan. Kết luận này không đáp ứng yêu cầu của phân tích pháp lý nghiêm ngặt.

Tuyệt đối hóa quyền (Rights-Maximization Bias)

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom thể hiện xu hướng tuyệt đối hóa quyền tự do tôn giáo. Báo cáo mô tả các cơ chế quản lý tại Việt Nam như các hạn chế mang tính hệ thống đối với quyền. Báo cáo sử dụng các cụm từ như “severely restricts” và “systematic violations” để đánh giá tổng thể (Freedom, Annual Report 2025: Vietnam., 2025). Cách diễn đạt này hàm ý rằng quyền tự do tôn giáo phải được bảo vệ gần như tuyệt đối.

Tuy nhiên, cách tiếp cận này không phù hợp với án lệ Hoa Kỳ. Trong hệ thống Hoa Kỳ, quyền tự do tôn giáo luôn có giới hạn. Giới hạn này được xác lập rõ ràng trong án lệ. Trong vụ Employment Division v. Smith, Tòa án khẳng định rằng cá nhân không có quyền miễn trừ khỏi luật trung lập (Employment Division v. Smith, 1990). Quyết định này bác bỏ quan điểm coi tự do tôn giáo là quyền tuyệt đối. Nguyên tắc này tiếp tục được củng cố trong thực tiễn hiện đại.

Trong vụ South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, Tòa án cho phép hạn chế sinh hoạt tôn giáo vì lý do y tế công cộng (South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, 2020). Quyết định này xác nhận rằng quyền tôn giáo có thể bị giới hạn khi có lợi ích công cộng quan trọng. Ngoài ra, trong vụ Groff v. DeJoy, Tòa án nhấn mạnh rằng việc bảo vệ tôn giáo trong lao động không phải là vô điều kiện. Nhà tuyển dụng có thể từ chối yêu cầu tôn giáo nếu gây chi phí đáng kể (Groff v. DeJoy, 2023). Điều này cho thấy quyền tôn giáo luôn gắn với nghĩa vụ và giới hạn. Luật quốc tế cũng không công nhận quyền tuyệt đối. Điều 18 của Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị cho phép giới hạn quyền trong các trường hợp liên quan đến trật tự công cộng và sức khỏe xã hội (Nations, 1996). Quy định này phản ánh cách tiếp cận cân bằng giữa quyền và lợi ích chung.

Tuy nhiên, báo cáo USCIRF không áp dụng cách tiếp cận cân bằng này. Báo cáo tập trung vào việc bảo vệ quyền mà không phân tích đầy đủ các giới hạn hợp pháp. Báo cáo không đánh giá mức độ cần thiết của các biện pháp quản lý. Báo cáo cũng không xem xét yếu tố lợi ích công cộng trong từng trường hợp cụ thể. Cách tiếp cận này dẫn đến sự mở rộng phạm vi bảo vệ quyền vượt quá chuẩn án lệ Hoa Kỳ.

Báo cáo có xu hướng xem mọi hạn chế là vi phạm. Đây là một dạng suy luận đơn giản hóa. Suy luận này không phù hợp với phương pháp pháp lý. Các nghiên cứu học thuật đã cảnh báo về xu hướng này. Sullivan cho rằng việc tuyệt đối hóa quyền tự do tôn giáo có thể làm sai lệch thực tiễn pháp lý (Sullivan, 2005). Greenawalt nhấn mạnh rằng quyền tôn giáo phải được đặt trong mối quan hệ với các lợi ích xã hội khác (Greenawalt, 2006). Các quan điểm này phù hợp với án lệ Hoa Kỳ.

Từ các phân tích trên, có thể kết luận rằng báo cáo USCIRF đã thể hiện xu hướng tuyệt đối hóa quyền một cách rõ ràng. Xu hướng này không phù hợp với chuẩn pháp lý của Hoa Kỳ. Xu hướng này cũng không phù hợp với luật quốc tế. Do đó, các nhận định của USCIRF về Việt Nam cần được xem xét lại trong một khung phân tích cân bằng hơn.

Khái quát hóa quá mức

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam thể hiện xu hướng khái quát hóa quá mức. Báo cáo sử dụng các nhận định tổng quát để mô tả toàn bộ hệ thống pháp lý. Báo cáo chuyển từ các hiện tượng riêng lẻ sang kết luận mang tính hệ thống (Freedom, Annual Report 2025: Vietnam., 2025). Cách tiếp cận này thiếu bước phân tích pháp lý cần thiết.

Trong khoa học pháp lý, việc xác định vi phạm đòi hỏi một chuỗi phân tích. Chuỗi này bao gồm xác định quy định pháp luật. Chuỗi này bao gồm đánh giá mục tiêu của quy định. Chuỗi này bao gồm kiểm tra tính trung lập. Chuỗi này bao gồm phân tích tính cần thiết và tính tương xứng. Các bước này là tiêu chuẩn trong án lệ Hoa Kỳ.

Trong vụ Employment Division v. Smith, Tòa án không kết luận vi phạm chỉ vì tồn tại quy định. Tòa xác định tính chất trung lập của luật (Employment Division v. Smith, 1990). Trong vụ Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, Tòa án phân tích sự khác biệt trong cách áp dụng quy định (Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 2020). Các quyết định này cho thấy rằng kết luận pháp lý phải dựa trên phân tích từng bước.

Báo cáo USCIRF không thực hiện đầy đủ các bước này. Báo cáo nêu các trường hợp liên quan đến nhóm tôn giáo không đăng ký. Báo cáo mô tả các biện pháp quản lý hành chính. Sau đó, báo cáo kết luận về vi phạm quyền. Báo cáo không phân tích tính trung lập của quy định. Báo cáo không đánh giá mục tiêu công cộng. Báo cáo không kiểm tra yếu tố so sánh với các chủ thể khác. Cách suy luận này mang tính rút gọn. Cách suy luận này không đáp ứng tiêu chuẩn của phân tích pháp lý. Việc bỏ qua các bước trung gian làm giảm độ tin cậy của kết luận. Việc sử dụng ngôn ngữ tổng quát thay cho phân tích cụ thể thể hiện mức độ chưa đầy đủ về phương pháp.

Ngoài ra, báo cáo USCIRF có xu hướng sử dụng các khái niệm rộng. Các khái niệm này bao gồm “systematic restrictions” và “severe violations” . Các khái niệm này không đi kèm với tiêu chí định lượng rõ ràng. Các khái niệm này không được gắn với một kiểm định pháp lý cụ thể. Điều này làm cho lập luận thiếu tính kiểm chứng.

Trong nghiên cứu học thuật, khái quát hóa phải dựa trên dữ liệu và phân tích đầy đủ. Sullivan cho rằng việc áp dụng các khái niệm rộng mà không có tiêu chí rõ ràng sẽ làm suy yếu tính chính xác của đánh giá pháp lý (Sullivan, 2005). Greenawalt cũng nhấn mạnh rằng đánh giá về tôn giáo cần dựa trên bối cảnh

cụ thể (Greenawalt, 2006). Các quan điểm này phù hợp với phương pháp của án lệ Hoa Kỳ.

Từ các phân tích trên, có thể kết luận rằng báo cáo USCIRF đã bỏ qua bước phân tích pháp lý quan trọng. Báo cáo sử dụng suy luận khái quát thay cho lập luận pháp lý chi tiết. Cách tiếp cận này thiếu tính nghiêm túc trong phương pháp. Cách tiếp cận này không phù hợp với chuẩn học thuật quốc tế. Do đó, các nhận định của USCIRF về Việt Nam cần được xem xét lại trên cơ sở phân tích cụ thể. Việc đánh giá phải dựa trên tiêu chí pháp lý rõ ràng. Nếu không có các tiêu chí này, kết luận sẽ thiếu cơ sở khoa học và thiếu tính thuyết phục.

Tính chưa nhất quán nội tại (Internal Doctrinal Inconsistency)

Báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom về Việt Nam bộc lộ sự chưa nhất quán nội tại. Báo cáo sử dụng chuẩn pháp lý của Hoa Kỳ. Báo cáo viện dẫn các nguyên tắc về tự do tôn giáo. Tuy nhiên, báo cáo không áp dụng đầy đủ các giới hạn học thuyết của chính hệ thống này (Freedom, Annual Report 2025: Vietnam., 2025).

Trong pháp luật Hoa Kỳ, tự do tôn giáo luôn gắn với các điều kiện cụ thể. Nguyên tắc luật trung lập cho phép áp dụng quy định chung đối với tôn giáo. Điều này được xác lập trong vụ Employment Division v. Smith (Employment Division v. Smith, 1990). Nguyên tắc này giới hạn phạm vi bảo vệ quyền. Nguyên tắc này không được phản ánh đầy đủ trong báo cáo USCIRF. Ngoài ra, án lệ Hoa Kỳ thừa nhận vai trò của lợi ích công cộng. Án lệ Hoa Kỳ cũng yêu cầu kiểm tra yếu tố không phân biệt đối xử. Trong vụ Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, Tòa án chỉ kết luận vi phạm khi có sự đối xử bất bình đẳng (Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 2020). Báo cáo USCIRF không thực hiện phân tích so sánh tương tự. Báo cáo suy luận từ sự khác biệt trong địa vị pháp lý sang vi phạm quyền.

Sự chưa nhất quán này làm suy yếu tính logic của báo cáo. Báo cáo sử dụng chuẩn Hoa Kỳ như một cơ sở đánh giá. Tuy nhiên, báo cáo không áp dụng đầy đủ các nguyên tắc của chính chuẩn đó. Điều này tạo ra một khoảng cách giữa phương pháp và kết luận. Khoảng cách này làm giảm độ tin cậy của đánh giá.

Ngoài ra, cách tiếp cận của USCIRF có thể tạo ra tác động ngoài ý muốn. Quan hệ giữa Hoa Kỳ và Việt Nam đã có nhiều tiến triển trong các lĩnh vực pháp lý và xã hội. Các chương trình đối thoại về tự do tôn giáo đã được thiết lập. Các nỗ lực này dựa trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau và hiểu biết pháp lý. Tuy nhiên, các

đánh giá thiếu nhất quán có thể làm suy giảm hiệu quả của các nỗ lực này. Báo cáo có thể tạo ra nhận thức không cân bằng. Báo cáo có thể làm gián đoạn tiến trình đối thoại. Báo cáo có thể làm giảm mức độ hợp tác giữa các cơ quan liên quan. Điều này ảnh hưởng đến lợi ích chung của cả hai phía.

Trong nghiên cứu học thuật, tính nhất quán nội tại là yêu cầu cơ bản. Sullivan nhấn mạnh rằng việc áp dụng tiêu chuẩn pháp lý phải gắn với bối cảnh cụ thể (Sullivan, 2005). Greenawalt cũng cho rằng đánh giá về tôn giáo cần phản ánh đầy đủ các giới hạn của pháp luật (Greenawalt, 2006). Các nguyên tắc này không được thể hiện đầy đủ trong báo cáo USCIRF.

Từ các phân tích trên, có thể kết luận rằng báo cáo USCIRF về Việt Nam năm 2025 tồn tại sự chưa nhất quán nội tại rõ ràng. Báo cáo sử dụng một hệ chuẩn nhưng không áp dụng đầy đủ hệ chuẩn đó. Sự thiếu nhất quán này làm giảm giá trị học thuật và thực tiễn của báo cáo. Sự thiếu nhất quán này cũng có thể làm suy yếu các nỗ lực hợp tác giữa hai quốc gia.

Kết luận

Bài viết này đã đặt lại vấn đề đánh giá tự do tôn giáo tại Việt Nam thông qua việc phê bình báo cáo năm 2025 của United States Commission on International Religious Freedom dưới góc nhìn án lệ Hoa Kỳ. Trọng tâm của nghiên cứu không nhằm phủ nhận hoàn toàn các nhận định của USCIRF. Trọng tâm là kiểm tra tính nhất quán pháp lý của các nhận định đó. Phương pháp được sử dụng là phê bình nội tại. Phương pháp này dựa trên chính hệ chuẩn pháp lý của Hoa Kỳ.

Kết quả phân tích cho thấy một điểm cốt lõi. Báo cáo USCIRF có xu hướng tiếp cận theo hướng tối đa hóa quyền. Báo cáo xem các cơ chế quản lý hành chính là dấu hiệu của vi phạm. Tuy nhiên, án lệ Hoa Kỳ không ủng hộ cách hiểu này. Trong pháp luật Hoa Kỳ, tự do tôn giáo không phải là quyền tuyệt đối. Quyền này luôn gắn với các giới hạn pháp lý cụ thể. Các giới hạn này bao gồm luật trung lập, lợi ích công cộng và nguyên tắc không phân biệt đối xử.

Bài viết đã làm rõ bốn nguyên tắc quan trọng:

Thứ nhất là nguyên tắc luật trung lập. Nguyên tắc này cho phép áp dụng quy định chung đối với tôn giáo.

Thứ hai là nguyên tắc giới hạn vì lợi ích công cộng. Nguyên tắc này cho phép nhà nước hạn chế hoạt động tôn giáo trong những hoàn cảnh cần thiết.

Thứ ba là tiêu chuẩn không phân biệt đối xử. Nguyên tắc này yêu cầu sự bình đẳng trong áp dụng pháp luật.

Thứ tư là nguyên tắc không tồn tại miễn trừ tuyệt đối. Nguyên tắc này khẳng định rằng tôn giáo không đứng ngoài hệ thống pháp luật.

Khi đối chiếu với các nguyên tắc này, có thể thấy rõ một khoảng cách. Báo cáo USCIRF chưa áp dụng đầy đủ các tiêu chí pháp lý của chính hệ thống Hoa Kỳ.

Báo cáo có xu hướng khái quát hóa. Báo cáo bỏ qua các bước phân tích trung gian. Báo cáo chưa xem xét đầy đủ yếu tố bối cảnh và mô hình pháp lý. Điều này dẫn đến các kết luận mang tính mở rộng. Điều này cũng làm giảm độ chính xác của đánh giá.

Ngoài ra, bài viết đã chỉ ra sự khác biệt và tương đồng giữa Việt Nam và Hoa Kỳ. Hai hệ thống có mô hình khác nhau. Tuy nhiên, cả hai đều không công nhận quyền tuyệt đối. Cả hai đều thừa nhận vai trò của quản lý nhà nước. Điểm khác biệt nằm ở phương thức thể hiện. Hoa Kỳ sử dụng án lệ. Việt Nam sử dụng luật thành văn. Sự khác biệt này cần được tôn trọng trong phân tích so sánh.

Từ góc độ học thuật, đóng góp chính của bài viết là làm rõ một vấn đề phương pháp. Việc đánh giá tự do tôn giáo không thể dựa trên một chuẩn đơn nhất. Việc đánh giá phải dựa trên phân tích pháp lý cụ thể. Phân tích này phải nhất quán với hệ chuẩn được sử dụng. Nếu không có sự nhất quán này, kết luận sẽ thiếu cơ sở khoa học.

Từ góc độ thực tiễn, bài viết cũng có ý nghĩa đối với quan hệ quốc tế. Các đánh giá thiếu cân bằng có thể làm suy giảm hiệu quả đối thoại. Các đánh giá này có thể tạo ra hiểu lầm không cần thiết. Do đó, một cách tiếp cận thận trọng và nhất quán là cần thiết. Cách tiếp cận này sẽ góp phần tăng cường hiểu biết pháp lý giữa các quốc gia.

Tóm lại, bài viết khẳng định một luận điểm trung tâm. Tự do tôn giáo phải được đánh giá trong mối quan hệ với pháp luật và bối cảnh cụ thể. Việc áp dụng tiêu chuẩn phải đi kèm với việc áp dụng đầy đủ các giới hạn của tiêu chuẩn đó. Đây là điều kiện cần để bảo đảm tính khách quan và tính học thuật của mọi đánh giá.

Tác giả: **NCS TS Trần Lê Đình Hiếu -** *Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP.HCM*

Tài liệu tham khảo:

Employment Division v. Smith, 494 U.S. 872 (1990).

Freedom, U. S. (2025). *Annual Report 2025: Vietnam.* https://www.uscirf.gov/sites/default/files/2025-

04/Vietnam%202025%20USCIRF%20Annual%20Report.pdf.

Freedom, U. S. (2025). *Press release on Vietnam religious repression.* https://www.uscirf.gov.

Freedom, U. S. (2025). *Religious freedom conditions in Vietnam.* https://www.uscirf.gov.

Freedom, U. S. (2025). *Vietnam Country Update.* https://www.uscirf.gov.

Fulton v. City of Philadelphia, 593 U.S (2021).

Greenawalt, K. (2006). *Religion and the Constitution.* Princeton University Press.

Groff v. DeJoy, 600 U.S. (2023).

McConnell, M. W. (1990). *Free exercise revisionism and the Smith decision.* University of Chicago Law Review, 57(4), 1109-1153.

Nations, U. (1996). *International Covenant on Civil and Political Rights.*

News, V. (2025). Freedom of religion not subject to politicisation. *Vietnam News* .

Olympus Spa v. Armstrong, No. 23-4031 (9th Cir. 2025).

Reynolds v. United States, 98 U.S. 145 (1879).

Roman Catholic Diocese of Brooklyn v. Cuomo, 592 U.S (2020).

Seattle Pacific University v. Ferguson, No. 22-35986 (9th Cir. 2024).

South Bay United Pentecostal Church v. Newsom, 590 U.S. (2020).

Sullivan, W. F. (2005). *The impossibility of religious freedom.* Princeton University Press.

Tandon v. Newsom, 593 U.S. (2021).